

UBND HUYỆN ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON XÃ THANH NÚA

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG THÁNG 5 NĂM 2025

STT	Họ và tên	Mức 6000			Mức 6100										Tổng lương	Tiền lương nghỉ việc		Các khoản phải trả			Tổng phải	
		Họ số	Số nhà TM 6001	Số tiền TM 6001	Chức vụ TM 6101		Khu vực TM 6102	Thâm niên TM 6115		Phụ cấp khác		Ưu đãi 50% TM 6112	Phụ trợ không			Đã gửi TM 6116	Số ngày	Số tiền	1% BHYT	1,5% BHYT		8% BHXH
					Họ số	Số tiền		Họ số	Số tiền	Họ số	Số tiền		Họ số	Số tiền								
1	Lê Thị Tuyết Hương	4.98	11.653.200		0.5	1.170.000	1.170.000	33%	4.639.300			6.877.728	8%	932.256	4.126.637			182.948	274.421	1.483.581	28.648.172	
2	Phạm Tuyết Thanh	3.85	9.336.600		0.35	819.000	1.170.000	19%	1.929.564			5.077.800			3.046.680			120.852	181.277	966.813	20.110.702	
3	Lê Thị Thanh Thủy	4.98	11.653.200				1.170.000	24%	2.798.768			5.826.600			3.495.960			144.500	216.750	1.155.897	23.425.281	
4	Bùi Thị Hồng Quy	4.98	11.653.200				1.170.000	25%	2.913.300			5.826.600			3.495.960			145.085	218.498	1.165.326	23.629.575	
5	Phạm Thị Huệ	4.65	10.681.000		0.2	468.000	1.170.000	25%	2.837.250			5.674.500			3.404.700			141.683	212.794	1.134.906	22.845.894	
6	Phạm Thị Hồng Huệ	4.32	10.108.800		0.15	351.000	1.170.000	21%	2.196.558			5.229.900			3.137.940			126.564	189.845	1.012.508	20.885.280	
7	Trần Thị Mỹ Hà	3.99	9.336.600				1.170.000	21%	1.960.686			4.668.300			2.800.980			112.973	169.459	993.783	18.750.351	
8	Lê Thị Huệ	3.65	8.541.000				1.170.000	17%	1.451.970			4.270.500			2.562.300			99.930	149.895	799.438	16.948.608	
9	Bạc Thị Mến	3.99	9.336.600				1.170.000	18%	1.680.588			4.668.300			2.800.980			110.172	165.258	881.375	18.499.663	
10	Dương Thị Nguyệt	3.65	8.541.000				1.170.000	18%	1.537.380			4.270.500			2.562.300			100.784	151.176	808.270	17.022.950	
11	Trần Kaku Văn	3.99	9.336.600				1.170.000	17%	1.587.222			4.668.300			2.800.980			109.238	163.857	873.906	18.416.101	
12	Cà Thị Thà	4.32	10.108.800				1.170.000	18%	1.819.584			5.054.400			3.032.640			119.284	178.926	954.271	19.032.944	
13	Nguyễn Thị Duyên	3.99	9.336.600				1.170.000	18%	1.680.588			4.668.300			2.800.980			110.172	165.258	881.375	18.499.663	
14	Nguyễn Thanh Thương	3.99	9.336.600		0.15	351.000	1.170.000	17%	1.648.892			4.843.800			2.908.280			113.345	170.017	908.759	19.004.480	
15	Mai T Thu Hương	3.99	9.336.600				1.170.000	18%	1.680.588			4.668.300			2.800.980			110.172	165.258	881.375	18.499.663	
16	Phạm Thị Thanh An	3.99	9.336.600				1.170.000	16%	1.493.856			4.668.300			2.800.980			108.306	162.457	868.436	18.332.638	
17	Lê Thị Hạnh	3.99	9.296.400				1.170.000	19%	1.760.616			4.633.200			2.779.920			110.270	165.405	882.161	18.452.296	
18	Lê Thị Mai Xinh	3.99	9.336.600				1.170.000	15%	1.680.588			4.668.300			2.800.980			110.172	165.258	881.375	18.499.663	
19	Chu Thị Thu Phương	4.98	11.653.200		0.2	468.000	1.170.000	23%	2.787.876			6.060.600			3.036.360			149.091	223.636	1.192.726	24.210.583	
20	Nguyễn Thị Oanh	3.99	9.336.600				1.170.000	18%	1.680.588			4.668.300			2.800.980			110.172	165.258	881.375	18.499.663	
21	Cà Thị Mai	3.34	7.815.600				1.170.000	11%	859.716			3.907.800			2.344.680			86.753	130.130	694.025	15.188.888	
22	Lê Thị Thương	3.34	7.815.600				1.170.000	12%	937.872			3.907.800			2.344.680			87.535	131.302	700.278	15.266.837	
23	Vương Thị Tuyên	3.99	9.296.400		0.2	468.000	1.170.000			0.1	234.000				2.920.320			97.344	146.016	778.762	13.038.608	
24	Vũ Thị Kim Thu	2.89	6.692.400				1.170.000								2.007.720			68.924	100.386	535.382	9.167.418	
25	Lê Văn Ngươn			4.076.640											4.076.640			0	40.766	61.154	328.131	3.648.503
	cộng	97.67	229.915.800	4.076.640	1.75	4.095.000	28.080.000	436%	43.459.350	0.1	234.000	108.808.128	8%	932.256	70.212.917	488.914.091		0	2.815.790	4.223.680	22.826.324	459.348.291

KÊ TOÁN

Vương Thị Tuyên

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
TRƯỜNG
MẦM NON
XÃ
THANH NÚA
Lê Thị Tuyết Hương

CHỦ TÀI KHOẢN
 Chiếm danh Chủ tài khoản
 Đơn vị Trưởng mầm non xã Thanh Nua
 Nơi dùng Phê duyệt hồ sơ gần
BẢNG THANH TOÁN CHI TRỢ TƯƠNG TỰ HƯỞNG
 (Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số 05/ ngày 05 tháng 3 năm 2025)
 Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi ☐

Quyết định số 107
 M1 hình :
 Số : 11

1. Đơn vị sử dụng ngân sách : Trưởng Mầm Non xã Thanh Nua
 2. Mã đơn vị : 1096014
 3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng TM : 128000055353 - Ngân hàng TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên
 1. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển lương tháng 5/2025

Đơn vị tính: đồng												
Stt	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó						Ghi chú	
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khác		Tiền học bổng
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số			459.348.291	455.699.698	3.648.593			-			
1	Đối với công chức, viên chức			455.699.698	455.699.698	-	-	-	-			
1	Lê Thị Tuyết Hương	101006627385	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	28.548.172	28.548.172							
2	Phạm Tuyết Thanh	105882651232	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	20.110.702	20.110.702							
3	Lê Thị Thanh Thủy	108869030078	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	23.425.281	23.425.281							
4	Bùi Thị Hồng Quý	101869030048	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	23.529.578	23.529.578							
5	Phạm Thị Huệ	102869030131	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	22.945.894	22.945.894							
6	Phạm Thị Hồng Huệ	104869030127	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	20.865.280	20.865.280							
7	Trần Thị Mỹ Hà	105007009409	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	18.750.351	18.750.351							
8	Lê Thị Huệ	100869030133	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	16.946.508	16.946.508							
9	Bạc Thị Mến	102869030086	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	18.499.663	18.499.663							
10	Đặng Thị Nguyệt	109869029870	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	17.022.950	17.022.950							
11	Trần Kiều Vân	104869030115	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	18.416.101	18.416.101							
12	Cà Thị Thà	102007009415	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	19.932.944	19.932.944							
13	Nguyễn Thị Duyên	100869030121	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	18.499.663	18.499.663							
14	Nguyễn Thanh Thương	106869030070	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	19.064.450	19.064.450							
15	Mai Thị Thu Hương	103869030103	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	18.499.663	18.499.663							
16	Phạm Thị Thanh An	103869561470	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	18.332.538	18.332.538							
17	Lê Thị Hạnh	101869549974	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	18.452.299	18.452.299							
18	Lê Thị Mai Xinh	104869030154	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	18.499.663	18.499.663							
19	Chu Thị Thu Phương	104878280888	NH TMCP CT Việt Nam - CN Điện Biên	24.210.583	24.210.583							

20	LÀ THỊ THƯƠNG	104871471188	NHÀ TMCP CT VIỆT NAM - CHÍ ĐIỀN BIÊN	15.256.837	15.256.837														
21	NGUYỄN THỊ OANH	109876671200	NHÀ TMCP CT VIỆT NAM - CHÍ ĐIỀN BIÊN	18.499.663	18.499.663														
22	CÁ THỊ MẠI	109006687021	NHÀ TMCP CT VIỆT NAM - CHÍ ĐIỀN BIÊN	15.186.888	15.186.888														
23	VƯƠNG THỊ TUYẾN	100005954783	NHÀ TMCP CT VIỆT NAM - CHÍ ĐIỀN BIÊN	13.036.608	13.036.608														
24	VŨ THỊ KIM THOA	102870025163	NHÀ TMCP CT VIỆT NAM - CHÍ ĐIỀN BIÊN	9.167.418	9.167.418														
II	Đổi với lao động hợp đồng thay thế của công việc hỗ trợ pháp vụ theo Nghị định 111/2011/NĐ-CP			3.648.593		3.648.593													
I	LÀ VĂN NGUYÊN	105869010065	NHÀ TMCP CT VIỆT NAM - CHÍ ĐIỀN BIÊN	3.648.593		3.648.593													
III	Việc ngừng công lập theo ND 111/2011/NĐ-CP																		
IV	Đổi với lao động thường xuyên theo hợp đồng																		
V	Thanh toán cơ nhàn khác																		

Tổng số tiền viết bằng chữ: Bốn trăm năm mươi chín triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm chín mươi một đồng

II. Phần thuyết minh thay đổi so với thông trước:

- Tổng số biên chế công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền giao 24 biên chế
Số biên chế công chức, viên chức trong tháng tăng (giảm) 0 biên chế
- Tổng số hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao 01 biên chế
Số hợp đồng lao động tăng (giảm) trong tháng 0 hợp đồng
- Số tiền đã chuyển lương và phụ cấp lương (từ PC làm thêm giờ) tháng trước: 455.699.698
- Số tiền chuyển lương và phụ cấp lương (từ phụ cấp làm thêm giờ) tháng 5/2025: 455.699.698
 - Số tiền tăng
 - Số tiền giảm
 - Số tiền tăng so với tháng trước
- Tổng số tiền chuyển: 459.348.291

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vương Thị Tuyến

Giáo dục viên

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Vương Thị Tuyến
KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 05 tháng 05 năm 2025

1/ Giám đốc KĐNN khu vực IX

Ngày 05 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
KHO BẠC NHÀ NƯỚC
THÀNH PHỐ
Lý Thị Tuyết Hương

